TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/HNGĐ-ST.
Ngày: 09/6/2022
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Dương Chiêu Hùng.
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh
Ông Trịnh Văn Lộc
- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Đình Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 09/6/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2022/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 01 năm 2022, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27/4/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25/5/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Thái Hồng H, sinh năm 1985; (có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: ấp A, xã H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.
- *Bị đơn*: Chị Lâm Thị S, sinh năm 1989; (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp A, xã H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/12/2021 (BL09) cũng như quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Thái Hồng H trình bày: Vào năm 2008, anh Thái Hồng H kết hôn với chị Lâm Thị S, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/4/2008. Trong thời gian sống chung vợ chồng có 02 con chung là cháu Thái Xuân H (nữ) sinh ngày 16/3/2012 và Thái Xuân P (nam) sinh ngày 10/12/2013. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng dần dần phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm,

không hợp tính tình nên tình cảm vợ chồng không còn.

Nay anh H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân không thành do đó yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh H được ly hôn với chị S. Về con chung: Hai con chung muốn sống với ai thì người đó nuôi, nếu các con muốn sống với cha thì anh H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con. Nếu các con muốn sống với mẹ thì anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Về tài sản chung tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị S, nhưng chị S không có văn bản gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của anh H, đồng thời chị S cũng không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án giải quyết chấp nhận cho anh H được ly hôn với chị S; về con chung: giao con chung là Thái Xuân H (nữ) sinh ngày 16/3/2012 và Thái Xuân P (nam) sinh ngày 10/12/2013 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu H và P đủ 18 tuổi và cũng theo nguyện vọng của các cháu H, P nếu cha mẹ không còn chung sống với nhau các cháu H, P có nguyện vọng được sống chung với cha. Ghi nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị S phải thực hiện cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung anh H khẳng định tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét; Về nợ chung anh H khẳng định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho chị S, nhưng chị S vẫn vắng mặt không có lý do, anh H có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh H và chị S theo quy định của pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 30/12/2021 anh Thái Hồng H yêu cầu được ly hôn với chị Lâm Thị S có nơi cư trú

tại số nhà 103, ấp A, xã H, thị xã Vc, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của anh Thái Hồng H nhận thấy anh H và chị S tự nguyện sống chung với nhau và có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/4/2008. Quan hệ hôn nhân của anh H và chị S không vi phạm các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nhưng sau một thời gian chung sống, đến năm 2019 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không còn hòa hợp với nhau thường hay xảy ra mâu thuẫn cải vã nhau. Anh H nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, không còn tình cảm vợ chồng với chị S nên có nguyện vọng ly hôn. Anh H và chị S đã không còn chung sống với nhau từ năm 2019 cho đến nay, từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh H được ly hôn với chị S.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống với nhau anh H và chị S có 02 con chung tên tên Thái Xuân H (nữ) sinh ngày 16/3/2012 và Thái Xuân P (nam) sinh ngày 10/12/2013 hiện đang chung sống với anh H. Anh H tôn trọng ý kiến của các cháu muốn sống với cha hay với mẹ thì người đó nuôi dưỡng, nếu các cháu muốn sống với anh H thì anh H đồng ý nuôi dưỡng và không yêu cầu chị S thực hiện cấp dưỡng nuôi con, nếu các cháu muốn sống với chị S thì anh H đồng ý thực hiện cấp dưỡng nuôi con cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và cũng theo nguyện vọng của các cháu H, P nếu cha mẹ không còn chung sống với nhau, các cháu H, P có nguyện vọng được sống với cha. Để đảm bảo cuộc sống của các cháu H, P không bị xáo trộn, để cháu phát triển bình thường về tâm, sinh lý nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu Thái Xuân H (nữ) sinh ngày 16/3/2012 và Thái Xuân P (nam) sinh ngày 10/12/2013 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu H, P đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Anh H khẳng định tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Anh H khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Án phí sơ thẩm: Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Thái Hồng H đối với bị đơn chị Lâm Thị S.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Thái Hồng H được ly hôn với chị Lâm Thị S.

- Về con chung: Giao con chung Thái Xuân H (nữ) sinh ngày 16/3/2012 và Thái Xuân P (nam) sinh ngày 10/12/2013 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu H, P đủ 18 tuổi.

Chị Lâm Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị S không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Thái Xuân H và Thái Xuân P của anh Thái Hồng H thì anh H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

- Về tài sản chung: Anh H khẳng định tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Anh H khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Anh Thái Hồng H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai số 0002296, ngày

11/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, anh H đã thực hiện xong. Chị Lâm Thị S không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- UBND Lai Hòa, TXVC;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Dương Chiêu Hùng